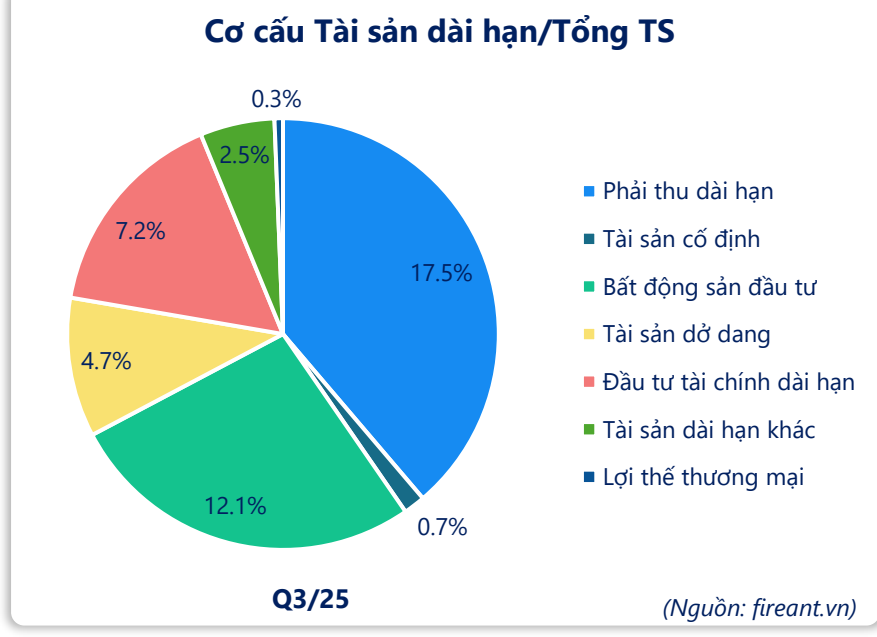
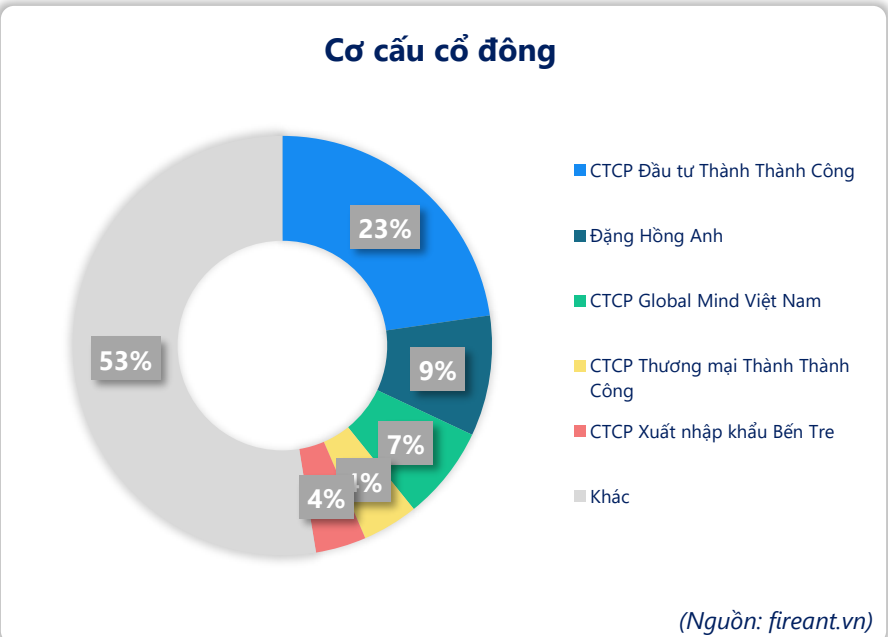
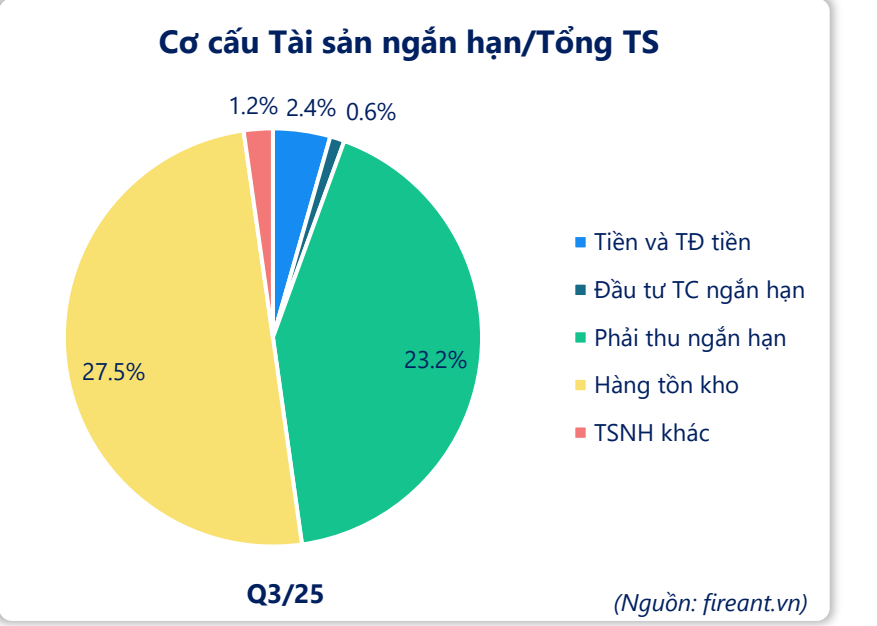
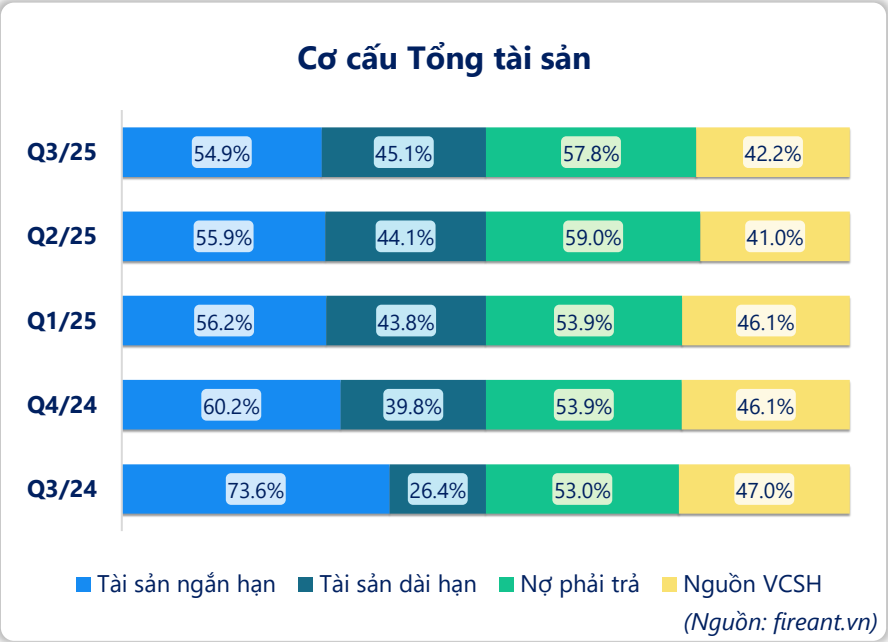
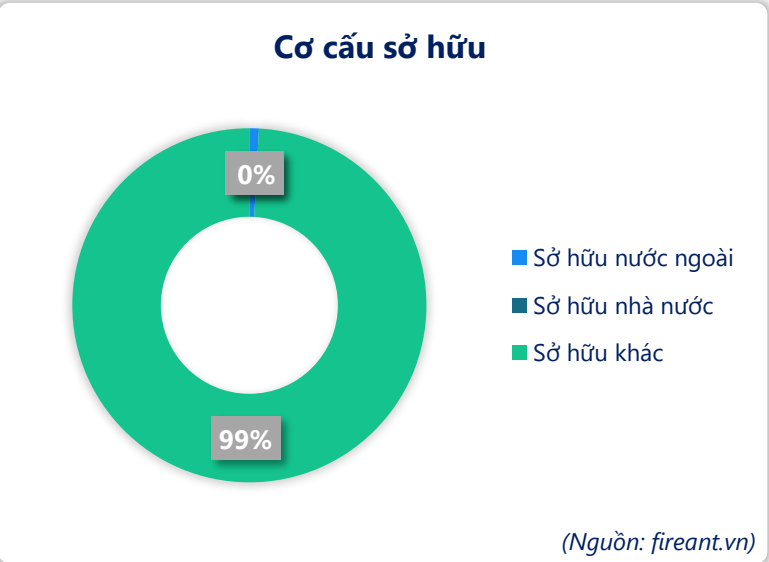
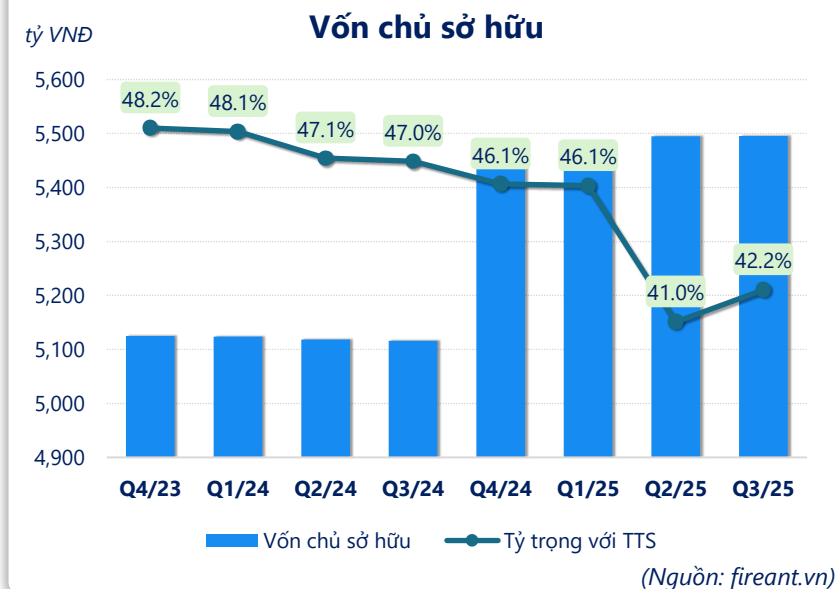
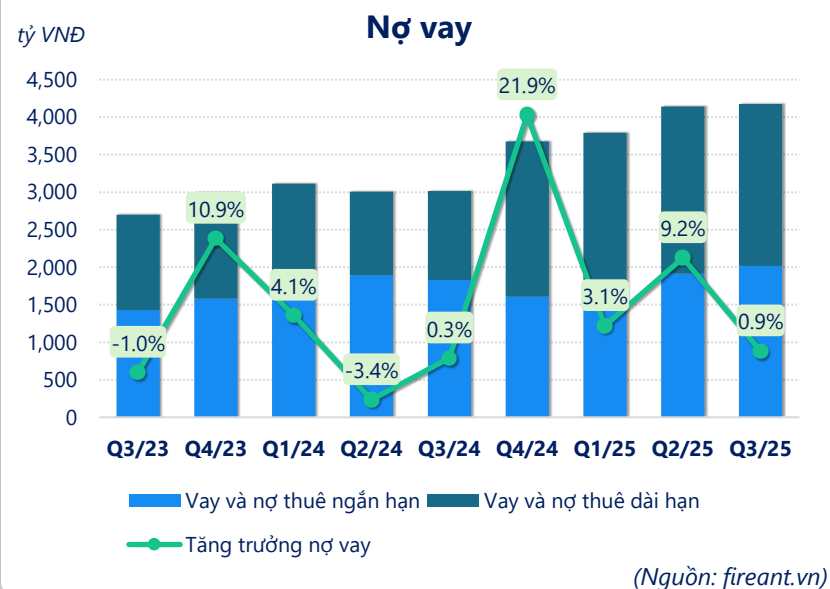
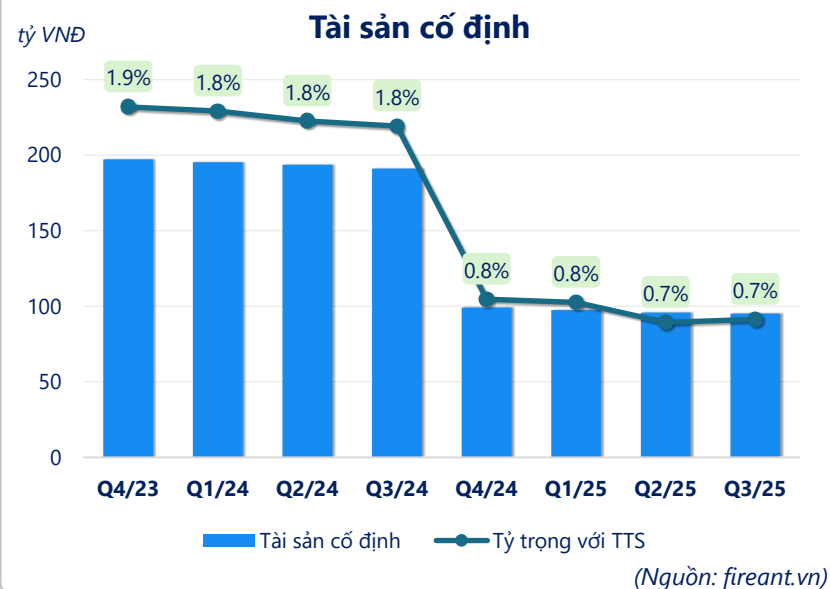
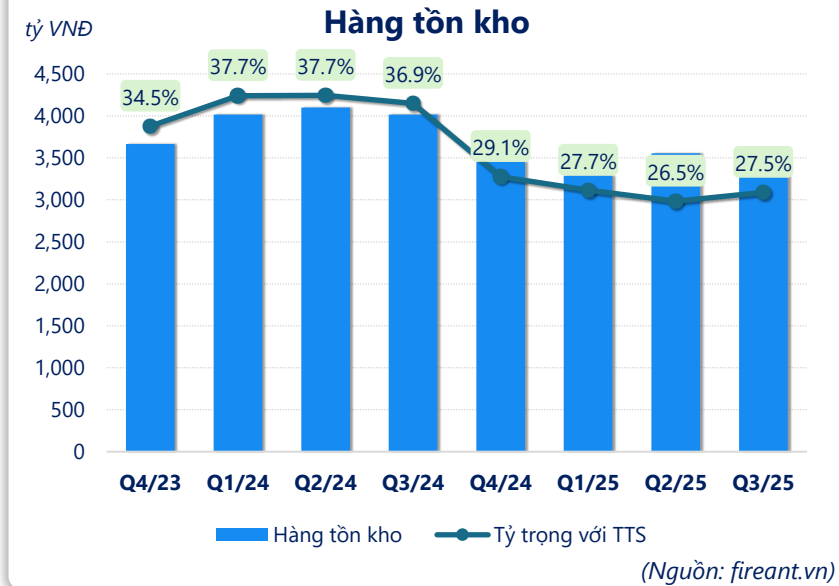
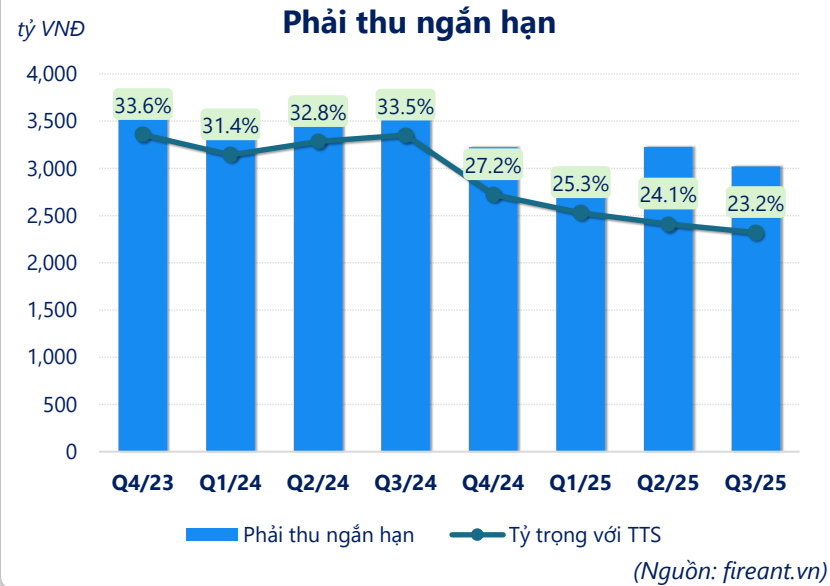
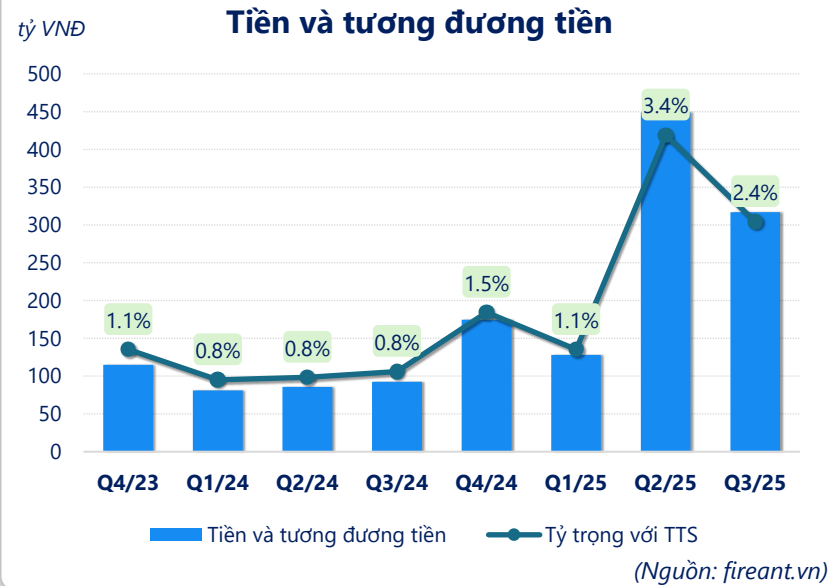
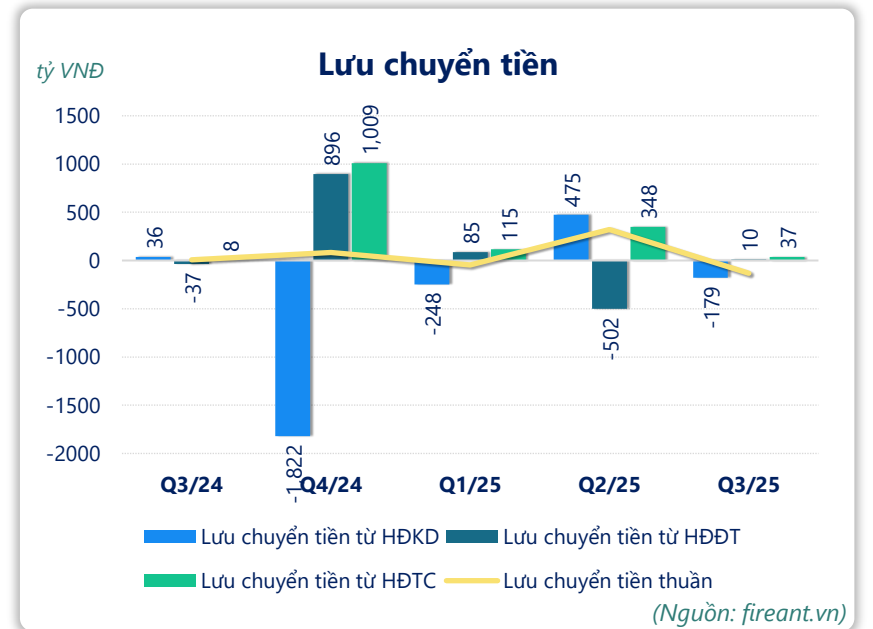
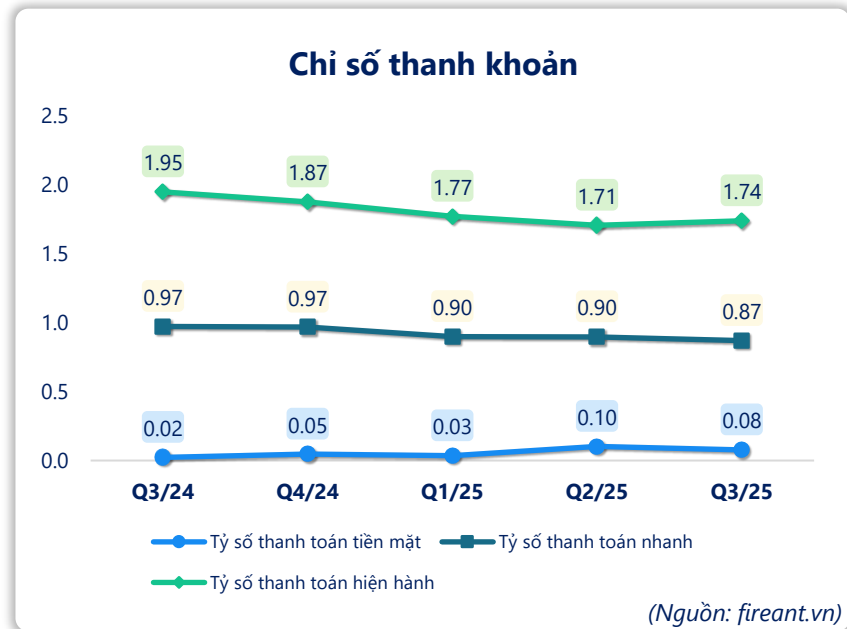
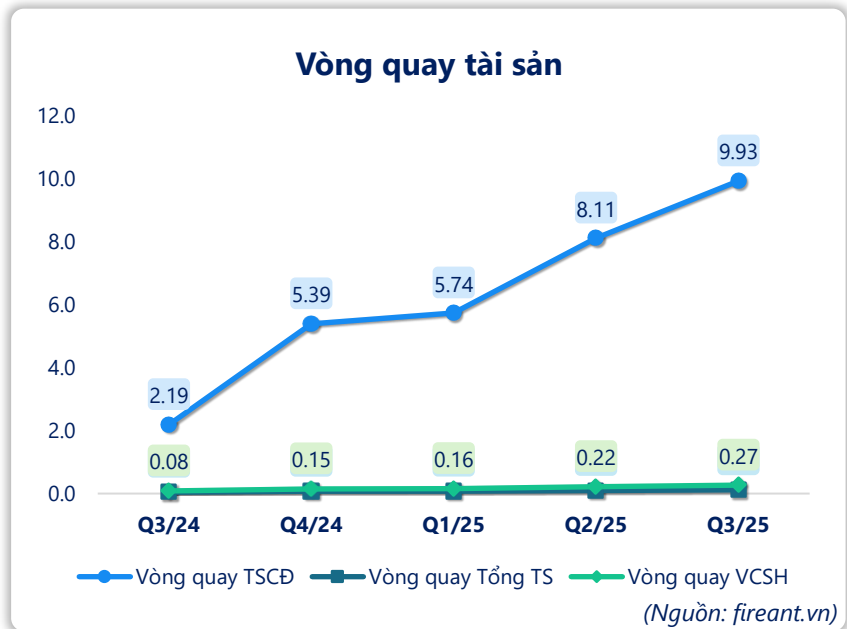
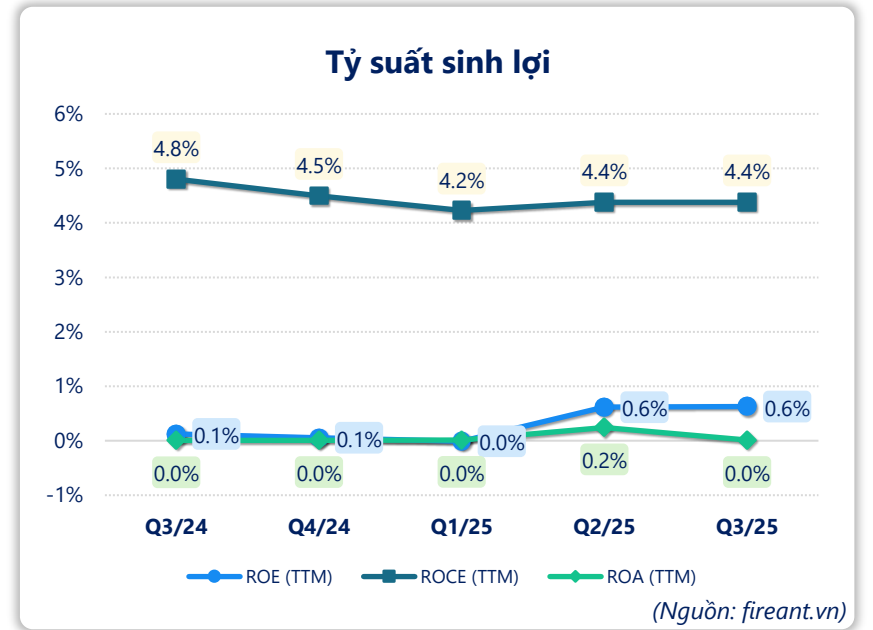
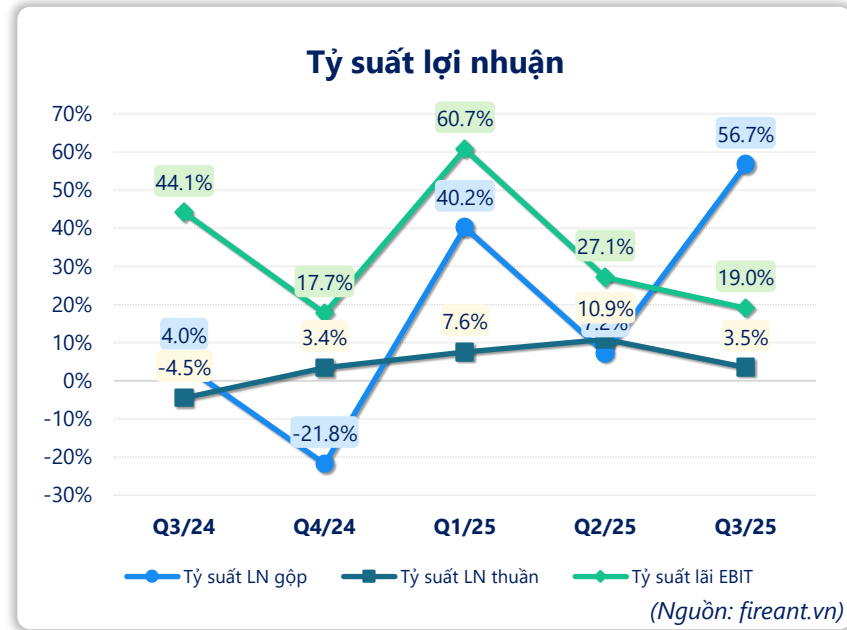
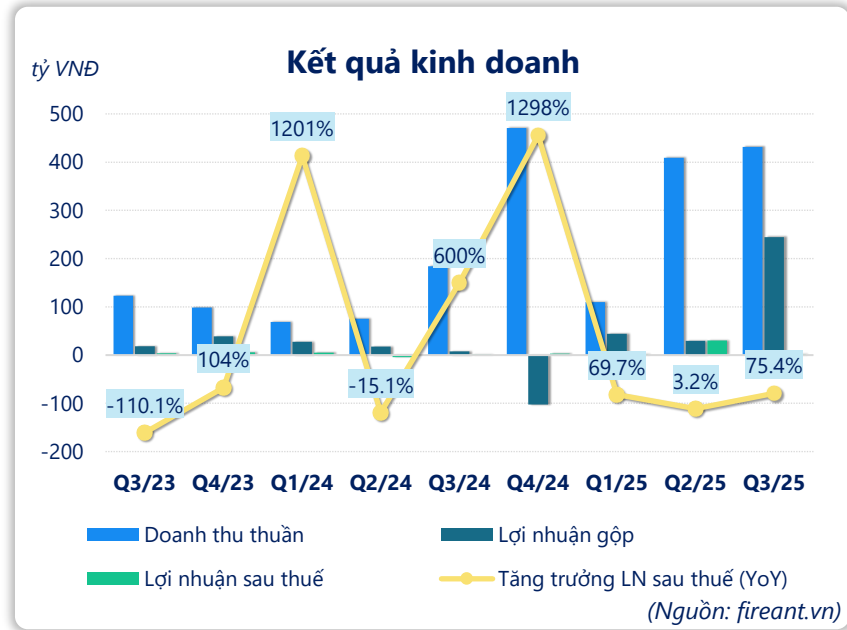


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,540
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		10,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,070
SL cổ phiếu LH		430,595,036
KLGD BQ 20 phiên (CP)		9,333,093
% sở hữu nước ngoài		0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		4,108
P/E		123.3
EPS		77

	YTD	1T	3T	6T
SCR	68.0%	2.9%	31.0%	40.7%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	13,019	11,847	9.9%
Tài sản ngắn hạn	7,152	6,970	2.6%
Tiền và tương đương tiền	317	175	81.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	79.7	98.4	-19.0%
Phải thu ngắn hạn	3,020	3,187	-5.2%
Hàng tồn kho	3,574	3,337	7.1%
Tài sản ngắn hạn khác	161	173	-7.0%
Tài sản dài hạn	5,867	4,877	20.3%
Phải thu dài hạn	2,275	1,988	14.4%
Tài sản cố định	95.1	99.2	-4.1%
Bất động sản đầu tư	1,576	710	122%
Tài sản dở dang	613	612	0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	943	1,145	-17.6%
Tài sản dài hạn khác	328	275	19.1%
Lợi thế thương mại	37.1	47.2	-21.4%
Nợ phải trả	7,523	6,382	17.9%
Nợ ngắn hạn	4,114	3,801	8.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,018	1,610	25.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	295	453	-35.0%
Nợ dài hạn	3,409	2,581	32.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,159	2,066	4.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,496	5,465	0.6%
Vốn chủ sở hữu	5,496	5,465	0.6%
Vốn điều lệ	4,306	4,306	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	184	470	110	409	432
Giá vốn hàng bán	177	573	65.8	380	187
Lợi nhuận gộp	7.36	-102	44.1	29.5	245
Doanh thu HĐTC	85.4	231	54.9	113	42.0
Chi phí TC	76.2	79.0	61.9	68.6	72.6
Chi phí lãi vay	75.6	71.5	60.6	66.4	70.6
LN trong công ty LKLD	-3.95	-5.04	-4.58	-7.04	-34.0
Chi phí bán hàng	6.12	7.43	2.80	2.59	5.52
Chi phí QLDN	14.8	20.4	21.5	19.8	160
LN thuần từ HĐKD	-8.28	16.2	8.31	44.4	15.0
Lợi nhuận khác	14.0	-4.37	-2.13	0.07	-3.44
LN trước thuế	5.71	11.8	6.19	44.5	11.6
Lợi nhuận sau thuế	0.83	2.76	1.90	30.2	1.82
LNST của CĐ cty mẹ	0.61	1.11	1.51	29.4	1.24

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	36.1	-1,822	-248	475	-179
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-37.2	896	85.4	-502	10.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	8.05	1,009	115	348	37.0
Tiền đầu kỳ	85.6	92.6	175	128	449
Lưu chuyển tiền thuần	6.99	82.3	-46.8	321	-132
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	92.6	175	128	449	317

(Nguồn: fireant.vn)